ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2022 – 2023 (ĐỀ 2)

MÔN: KHTN- LỚP 6

A. PHÂN MÔN: VẬT LÍ

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: *Chọn chữ cái đứng trước phương án trả lời mà em cho là đúng, rồi ghi đáp án vào ô trong phần bài làm ở các câu sau:*

Câu 1. Lĩnh vực ***không*** thuộc về khoa học tự nhiên là:

A. Sinh Hóa. B. Lịch sử. C. Thiên văn. D. Địa chất.

Câu 2: Việc làm ***không*** đảm bảo an toàn trong phòng thực hành là**:**

A. đeo găng tay khi lấy hóa chất. C. tự ý làm thí nghiệm.

B. rửa tay trước khi ra khỏi phòng thực hành. D. không ngửi hóa chất.

Câu 3: Đơn vị đo khối lượng hợp pháp ở nước ta là :

A. g. B. kg C. tấn D. tạ.

Câu 4: Để đo chiều dài cuốn sách giáo khoa KHTN 6, ta nên chọn:

A. thước dây. B. thước kẹp. C. thước thẳng. D. thước cuộn.

Câu 5: Xác định giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước trong hình:

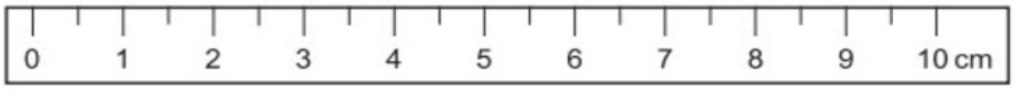

A . GHĐ 10cm ; ĐCNN 0 cm B. GHĐ 10cm ; ĐCNN 1cm.

C. GHĐ 10cm ; ĐCNN 0,5cm. D. GHĐ 10cm ; ĐCNN 1mm.

Câu 6. Con số 12kg được ghi trên vỏ bình ga chỉ...

A. thể tích của bình ga. B. thể tích của ga chứa trong bình.

C. sức nặng của vỏ bình. D. khối lượng của ga trong bình ga chưa dùng.

Câu 7: Thao tác ***sai*** khi dùng cân đồng hồ là:

A. đặt cân trên bề mặt không bằng phẳng. C. đọc kết quả khi cân khi đã ổn định.

B. đặt vật cân bằng trên đĩa cân. D. đặt mắt vuông góc với mặt đồng hồ.

Câu 8: Để đo thời gian chạy 100m ta sử dụng đồng hồ để đo hợp lí nhất là:

A. đồng hồ bấm giây. C. đồng hồ điện tử.

B. đồng hồ quả lắc. D. đồng hồ đeo tay.

Câu 9: Dụng cụ dùng để đo thời gian là:

A. cân. B. nhiệt kế. C. đồng hồ. D. Thước.

Câu 10: Cho bảng sau:

Loại nhiệt kế	**Thang nhiệt độ**
Rượu	Từ -30 ^{0}C đến 60 ^{0}C
Thủy ngân	Từ -10 ^{0}C đến 110 ^{0}C
Kim loại	Từ 0 ^{0}C đến 400 ^{0}C
Y tế	Từ 34 ^{0}C đến 42 ^{0}C

Loại nhiệt kế thích hợp dùng để đo nhiệt độ cơ thể là:

A. nhiệt kế rượu. C. nhiệt kế thủy ngân.

B. nhiệt kế kim loại. D. nhiệt kế y tế.

II. TỰ LUẬN: *(2,5 điểm)*

Câu 11: (0,5 điểm) Đổi một số đơn vị đo sau:

a) 245m = ….. km. b) 2,64 m^3 = …..dm^3 c) 4500g = …. kg $d)\ \frac{2}{5}h = \ldots.giây$

Câu 12: (1điểm) Nêu cách dùng cân đồng hồ để đo cân một vật?

Câu 13: (1 điểm) a) Trình bày cách chia độ trong nhiệt giai Farenhai.

b) Đổi các đơn vị đo sau: 35^{0}C = ? ^{0}F và 95^{0}F = ? ^{0}C.

BÀI LÀM

I. TRẮC NGHIỆM:

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐÁP ÁN										

II. TỰ LUẬN:

B. PHÂN MÔN: SINH HỌC

I.PHẦN TRẮC NGHIỆM: (2,5 điểm)

Câu 1. Người nào dưới đây sử dụng loại kính lúp ***không*** phù hợp?
A. Chú Quang dùng kính lúp để bàn có đèn để sửa bảng vi mạch điện tử.
B. Cô Nga dùng kính lúp để bàn để soi mẫu vải.
C. Bạn Hoa dùng kính lúp đeo mắt để xem tivi.
D. Bạn Huy dùng kính lúp cầm tay để quan sát cây nấm.

Câu 2. Hệ thống phóng đại kính hiển vi bao gồm:
A. Chân kính, thân kính, bàn kính, kẹp giữ mẫu. B. Thị kính, vật kính.
C. Ốc to,ốc nhỏ. D. Đèn chiếu sáng, gương, màn chắn sáng.

Câu 3. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau: Trong cấu tạo của kính hiển vi, ... là bộ phận để mắt nhìn vào khi quan sát vật mẫu.
A. vật kính B. thị kính C. bàn kính D. chân kính

Câu 4. Tại sao nói " tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống" ?
A. Vì tế bào thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản: sinh sản,sinh trưởng, hấp thụ chất dinh dưỡng, hô hấp, cảm giác, bài tiết.
B. Vì tế bào rất nhỏ bé.
C. Vì tế bào Không có khả năng sinh sản.
D. Vì tế bào rất vững chắc.

Câu 5. Tại sao mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau?
A. Mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau để tạo nên sự đa dạng của các loài sinh vật.
B. Mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau để chúng không bị chết.
C. Mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau để các tế bào có thể bám vào nhau dễ dàng.
D. Mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau để phù hợp với chức năng của chúng.

Câu 6. Tế bào động vật không có thành phần tế bào nào sau đây?
A. Lục lạp B. Màng tế bào C. Nhân D. Tế bào chất

Câu 7. Cơ thể sinh vật lớn lên chủ yếu dựa vào những hoạt động nào dưới đây?
A. Sự hấp thụ và ứ đọng nước trong dịch TB theo thời gian.
B. Sự gia tăng số lượng TB qua quá trình phân chia, tăng kích thước do trao đổi chất.
C. Sự tăng kích thước của từng TB do trao đổi chất.
D. Sự gia tăng số lượng TB qua quá trình phân chia.

Câu 8. Điền vào chỗ ..... để được khẳng định đúng:
Các tế bào non có kích thước bé, nhờ quá trình trao đổi chất chúng lớn dần lên thành ……..
A. Tế bào non. B. Tế bào phân chia.
C. Tế bào trưởng thành. D. Trao đổi chất.

Câu 9. Hiện tượng nào dưới đây *không* phản ánh sự lớn lên và phân chia của TB?
A. Sự gia tăng diện tích bề mặt của một chiếc lá. B. Sự vươn cao của thân cây tre.
C. Sự tăng dần kích thước của một củ khoai lang. D. Sự xẹp, phồng của các TB khí khổng.

Câu 10. Một TB mô phân sinh ở thực vật tiến hành phân chia liên tiếp 5 lần. Hỏi sau quá trình này, số TB con được tạo thành là bao nhiêu ?
A. 32 TB B. 4 TB C. 8 TB D. 16 TB

II.TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)
a. Em hãy trình bày cấu tạo của kính hiển vi quang học ? (0,5 điểm)
b. Em hãy nên cách bảo quản kính hiển vi quang học? (0,5 điểm)

Câu 2. (1,0 điểm). Nêu điểm khác nhau về thành phần cấu tạo giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?

Câu 3. (0,5 điểm). Vì sao rau củ và thịt cũng được bảo quản trong ngăn đá của tủ lạnh, khi rã đông rau củ bị dập nát còn thịt vẫn bình thường?

BÀI LÀM

I.TRẮC NGHIỆM:

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐÁP ÁN										

II.TỰ LUẬN: